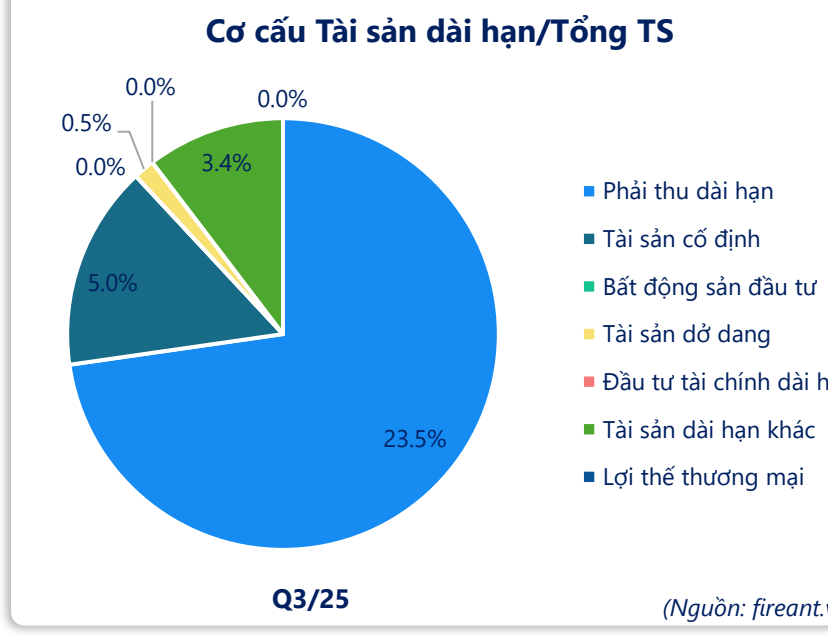
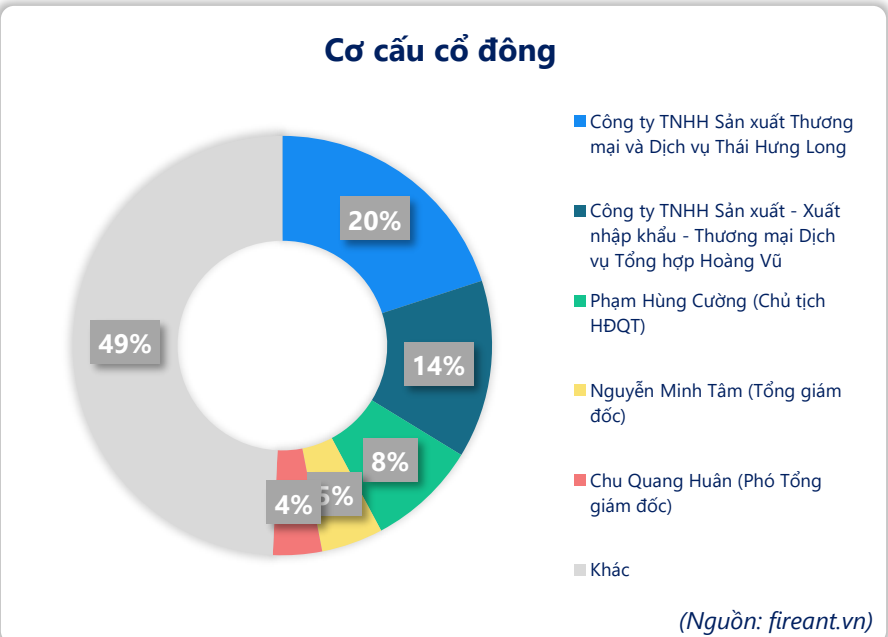
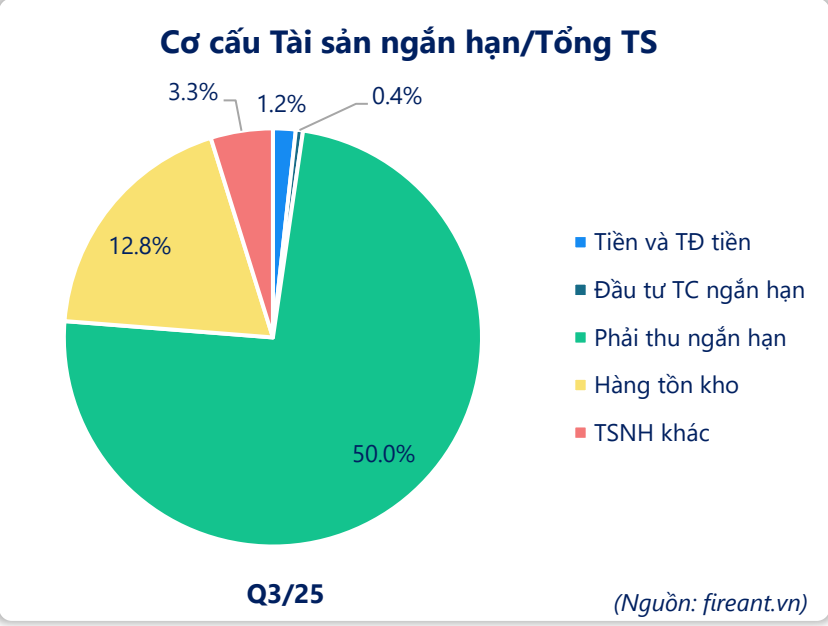
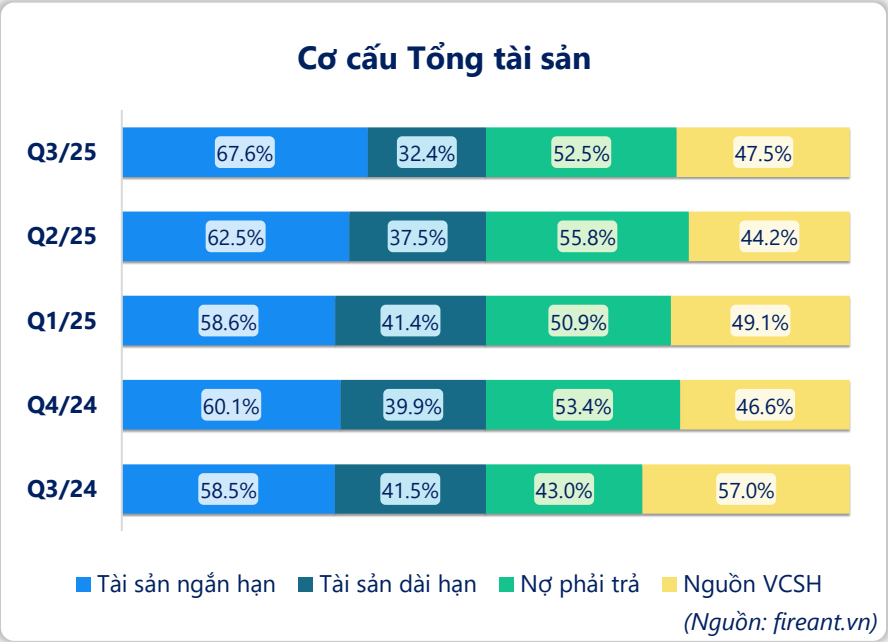
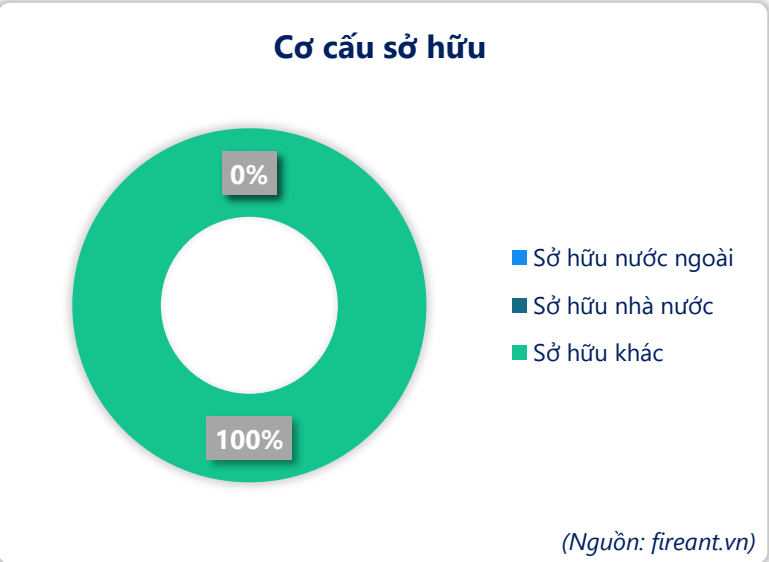
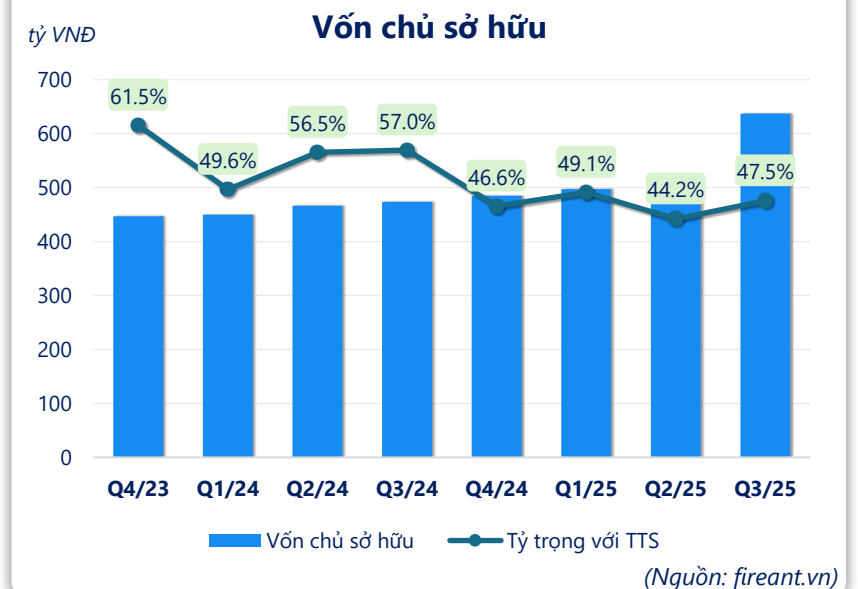
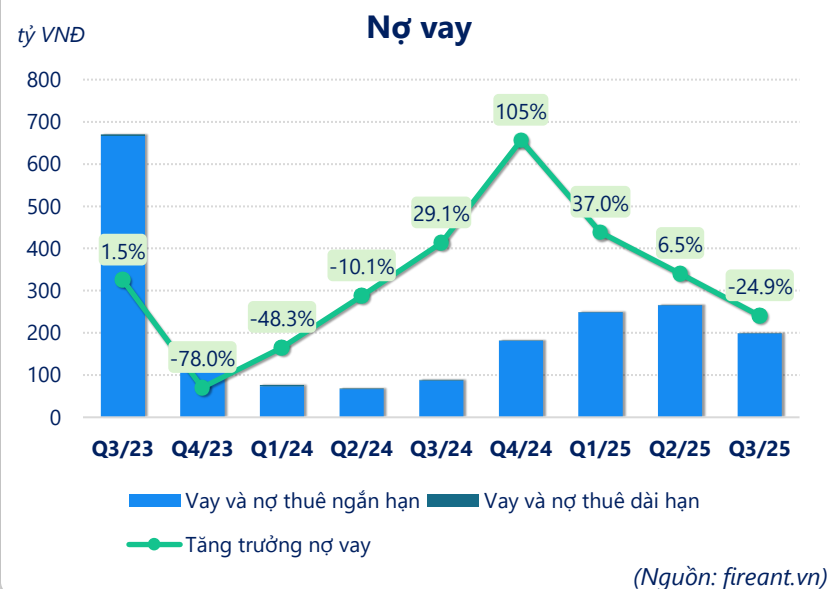
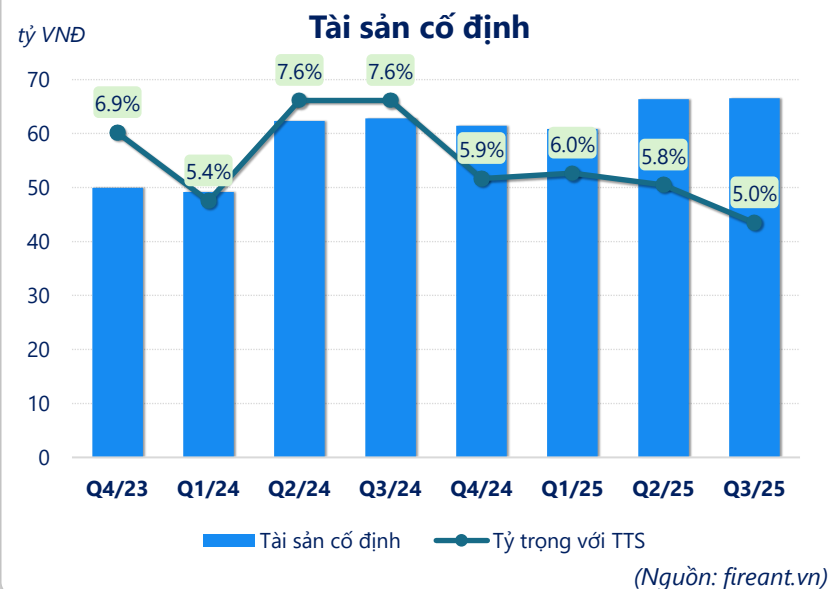
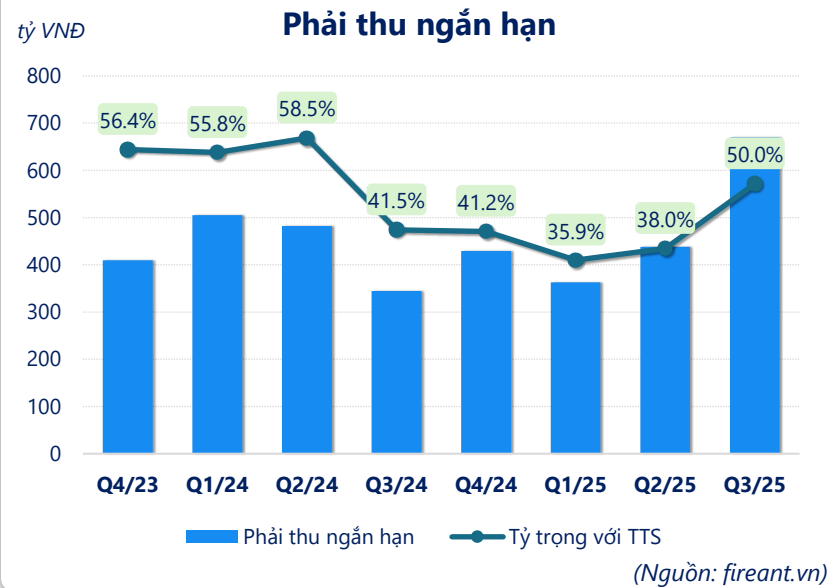
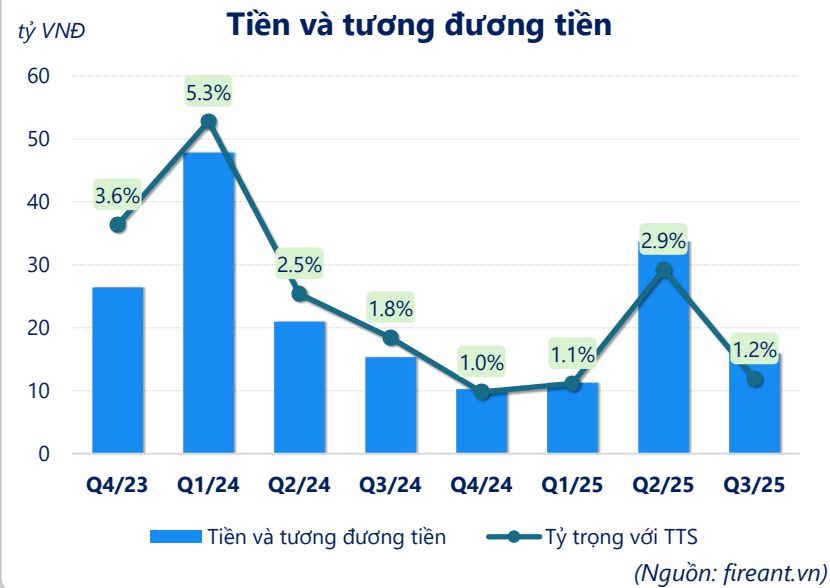
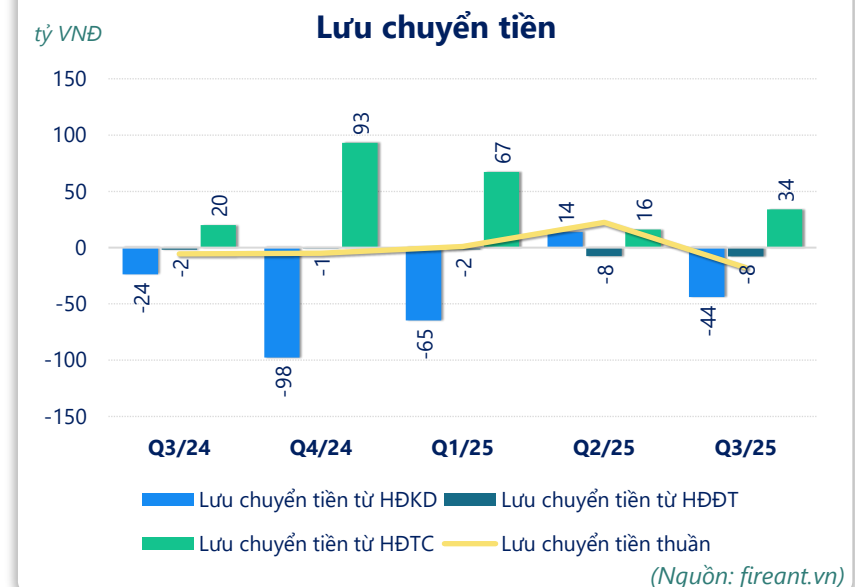
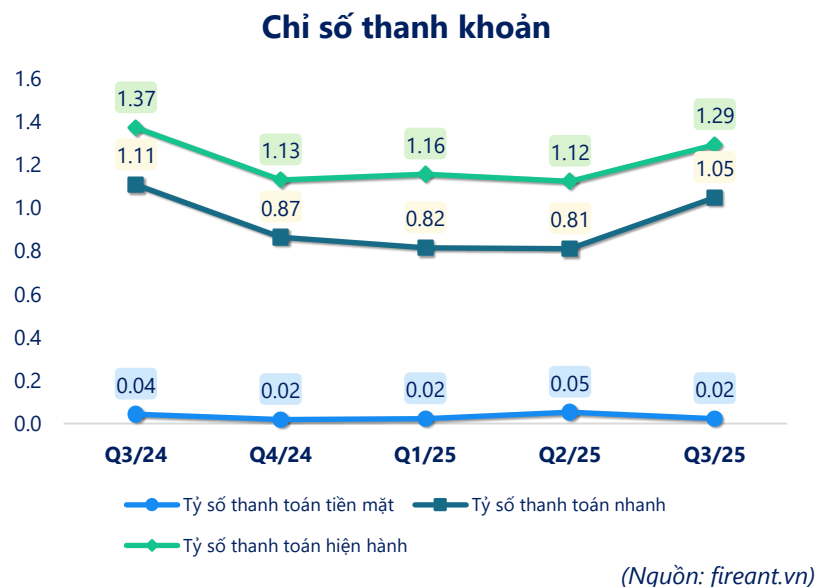
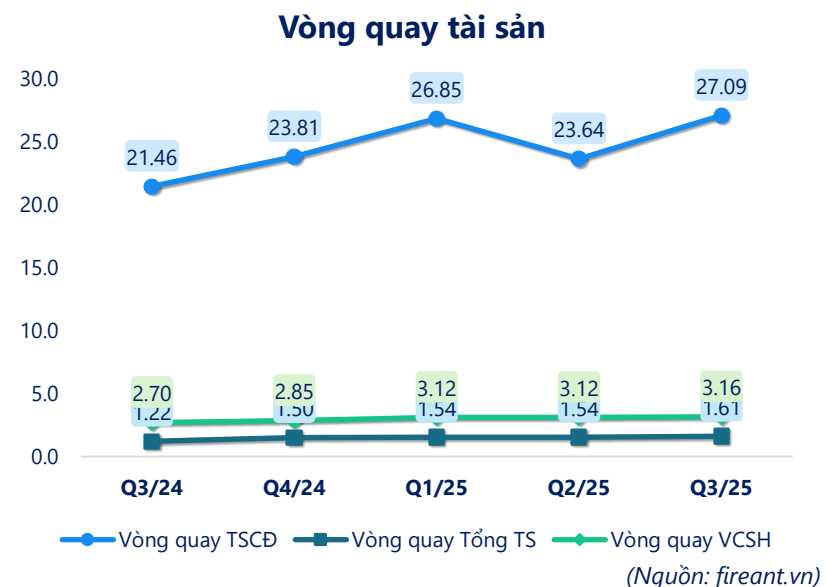
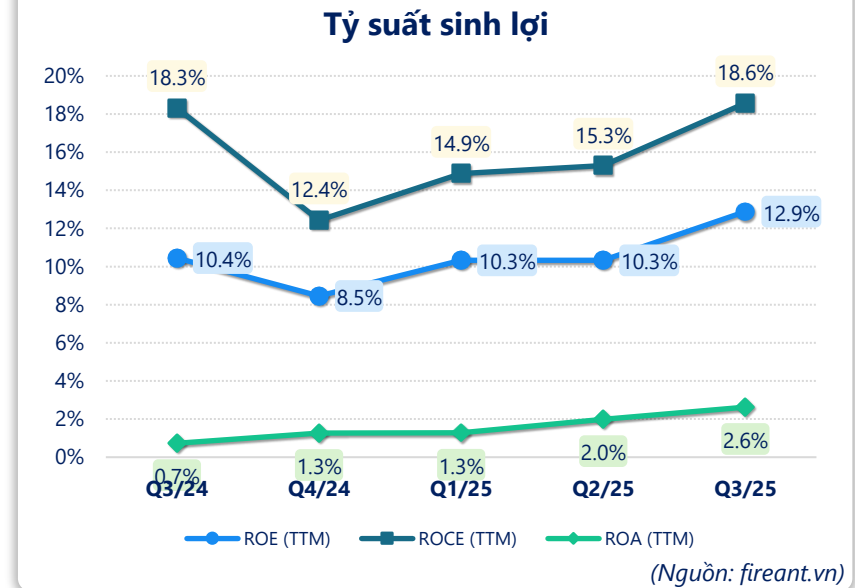
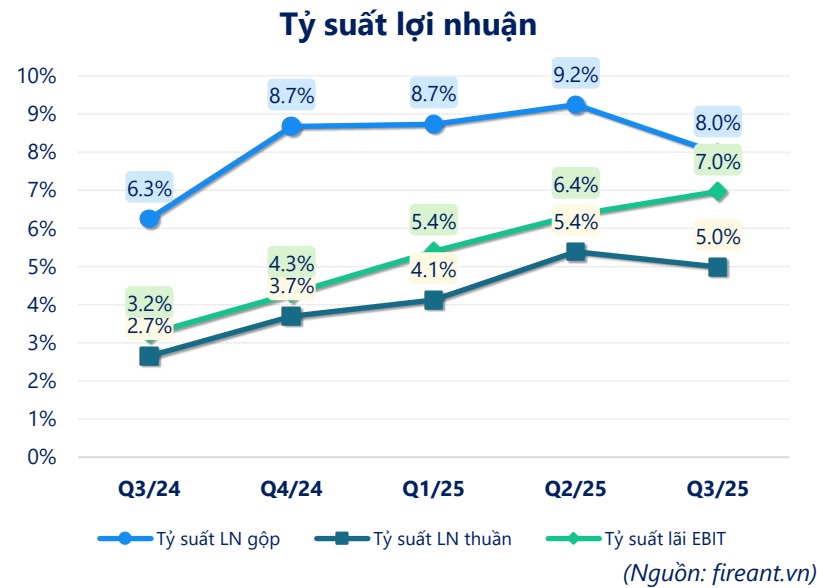
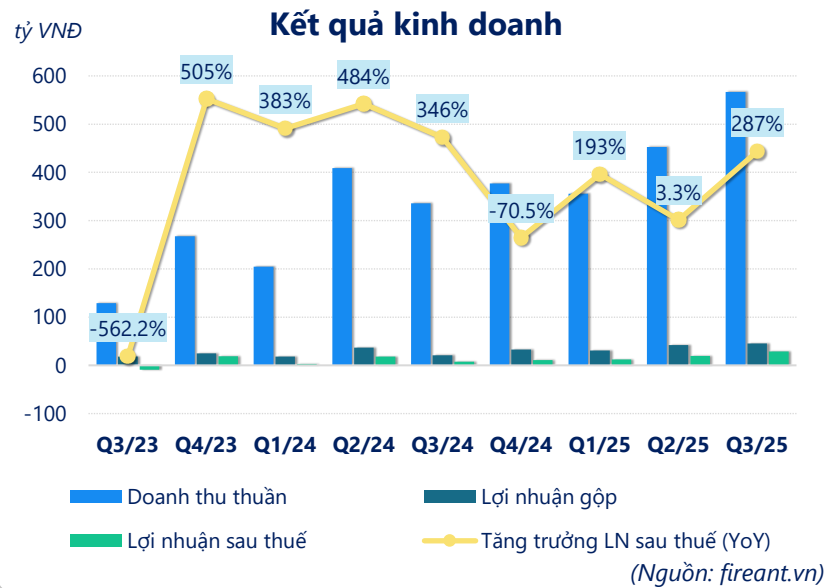


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		39,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		50,428
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		28,776
SL cổ phiếu LH		52,998,891
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,080
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		2,115
P/E		29.6
EPS		1,350

	YTD	1T	3T	6T
DCF	-17.2%	14.0%	-9.3%	3.9%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,340	1,041	28.7%
Tài sản ngắn hạn	906	626	44.7%
Tiền và tương đương tiền	15.9	10.2	55.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	5.00	0	
Phải thu ngắn hạn	670	429	56.1%
Hàng tồn kho	172	147	16.7%
Tài sản ngắn hạn khác	43.5	39.9	9.1%
Tài sản dài hạn	434	415	4.5%
Phải thu dài hạn	315	315	0.1%
Tài sản cố định	66.5	61.5	8.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	6.85	4.71	45.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	44.9	33.5	33.9%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	703	556	26.3%
Nợ ngắn hạn	700	554	26.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	199	181	9.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	227	250	-9.2%
Nợ dài hạn	2.70	2.78	-2.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	0.70	0.78	-10.4%
Nguồn vốn chủ sở hữu	637	485	31.4%
Vốn chủ sở hữu	637	485	31.4%
Vốn điều lệ	530	300	76.7%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	336	377	356	453	567
Giá vốn hàng bán	315	344	325	411	522
Lợi nhuận gộp	21.0	32.7	31.0	41.9	45.2
Doanh thu HĐTC	0.02	0.02	0.02	0.01	0.02
Chi phí TC	1.69	2.23	3.89	4.05	3.86
Chi phí lãi vay	1.69	2.23	3.89	4.05	3.86
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.09	0.11	0.93	0.09	0.21
Chi phí QLDN	10.3	16.5	11.6	13.3	12.9
LN thuần từ HĐKD	8.92	13.9	14.7	24.4	28.3
Lợi nhuận khác	0.25	0.02	0.64	0.35	7.36
LN trước thuế	9.16	14.0	15.3	24.7	35.7
Lợi nhuận sau thuế	7.32	11.1	12.2	19.7	28.5
LNST của CĐ cty mẹ	7.32	11.1	12.2	19.7	28.5

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-23.8	-97.5	-64.6	13.8	-43.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-1.84	-0.74	-1.66	-7.51	-7.76
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	20.0	93.2	67.3	16.1	33.8
Tiền đầu kỳ	20.9	15.3	10.2	11.3	33.7
Lưu chuyển tiền thuần	-5.61	-5.12	1.04	22.4	-17.8
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	15.3	10.2	11.3	33.7	15.9

(Nguồn: fireant.vn)